

## ● 140. ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG

### A – MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Biết xăng-ti-mét vuông là diện tích hình vuông có cạnh dài 1cm.
- Biết đọc, viết số đo diện tích theo xăng-ti-mét vuông.

### B – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Hình vuông cạnh 1cm (bằng bìa hoặc nhựa) cho từng HS.

### C – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

#### 1. Giới thiệu xăng-ti-mét vuông

- Để đo diện tích ta dùng đơn vị diện tích : xăng-ti-mét vuông.
- Xăng-ti-mét vuông là diện tích hình vuông có cạnh 1cm (GV cho HS lấy hình vuông cạnh 1cm có sẵn, đo cạnh thấy đúng 1cm. Đó là 1 xăng-ti-mét vuông).
- Xăng-ti-mét vuông viết tắt là :  $\text{cm}^2$ .

#### 2. Thực hành

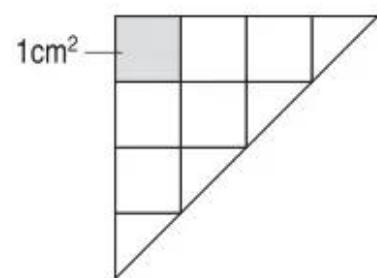
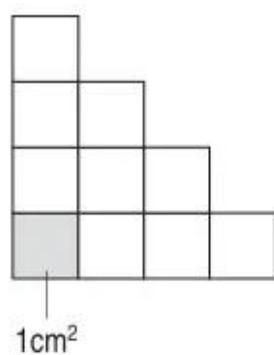
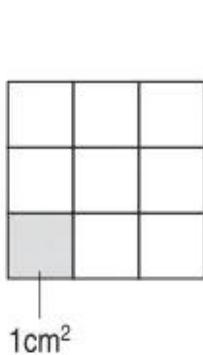
**Bài 1 :** Luyện đọc, viết số đo diện tích theo xăng-ti-mét vuông. Yêu cầu HS đọc đúng, viết đúng kí hiệu  $\text{cm}^2$  (chữ số 2 viết phía trên bên phải chữ cm).

**Bài 2 :** HS hiểu được số đo diện tích một hình theo xăng-ti-mét vuông chính là số ô vuông  $1\text{cm}^2$  có trong hình đó (bước đầu làm quen cách đo diện tích hình  $\mathcal{A}$  là  $6\text{cm}^2$ ).

– Dựa vào mẫu HS tính được diện tích hình  $\mathcal{B}$  là  $6\text{cm}^2$  (gồm 6 ô vuông diện tích  $1\text{cm}^2$ ).

– So sánh : diện tích hình  $\mathcal{A}$  bằng diện tích hình  $\mathcal{B}$  (vì cùng bằng  $6\text{cm}^2$ ).

**Lưu ý :** Ngoài hai hình  $\mathcal{A}$ ,  $\mathcal{B}$  trong SGK, GV có thể cho HS tính diện tích các hình sau (nếu có thời gian) :



**Bài 3 :** Yêu cầu HS thực hiện phép tính với các số đo có đơn vị đo là  $\text{cm}^2$ , chẳng hạn :

$$18\text{cm}^2 + 26\text{cm}^2 = 44\text{cm}^2$$

$$40\text{cm}^2 - 17\text{cm}^2 = 23\text{cm}^2$$

$$6\text{cm}^2 \times 4 = 24\text{cm}^2$$

$$32\text{cm}^2 : 4 = 8\text{cm}^2.$$

**Bài 4 :** Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải, chẳng hạn :

*Bài giải*

Diện tích tờ giấy màu xanh lớn hơn diện tích tờ giấy màu đỏ là :

$$300 - 280 = 20 (\text{cm}^2)$$

*Đáp số :*  $20\text{cm}^2$ .